

Phong Uyên

## Vì sao sau một ngàn năm đô hộ, bá quyền Trung Quốc vẫn không Hán hoá được Việt Nam?

Từ thượng cổ, người Trung Hoa đã tự tạo cho mình niềm tin rằng vua chúa của họ là “Thiên tử” (con Trời), được ban cho “thiên mệnh” trị vì bần dân thiên hạ. Từ khi vị hoàng đế đầu tiên (Tần Thủy Hoàng đế) thống nhất các nước nằm trong lưu vực sông Hoàng, nơi này được gọi là Trung Quốc – hàm ý quốc gia ở trung tâm toàn cõi đất. Trăm họ tộc Hoa người Trung quốc được coi là thần dân. Những dân tộc không cùng dòng giống với người Hoa sống ở những khoảng đất chung quanh đều bị coi là man di như Hung Nô phía Bắc, Bách Việt phía Nam. Sau nhà Tần, các triều đại nhà Hán vẫn lấy danh nghĩa làm theo “mệnh trời”, tiếp tục chính sách bành trướng của Tần Thủy Hoàng chiếm hữu đất đai của các dân tộc này sáp nhập vào Trung Quốc. Còn tinh vi hơn, đàn bà con gái của các dân tộc này bị ép lấy người Hán, để rồi con cái họ trở thành người Hán vì mang huyết thống cha theo chế độ phụ hệ một chiều của người Tàu; bằng cách này, chỉ sau vài trăm năm, các dân tộc này đều bị tuyệt giống. Thật ra, đó là cách duy nhất để cung cấp nhân công cho một nền kinh tế có căn bản là nông nghiệp, khi người Hán chỉ là thiểu số so với toàn thể số dân đại lục Trung Hoa thời đó (vào khoảng 50 triệu, bằng dân số đế quốc La Mã cùng thời). Trong khoảng một ngàn năm gần như toàn thể các tộc Bách Việt sống ở phía Nam sông Dương Tử đều đã bị Hán hoá và tuyệt chủng. Chỉ còn lại duy nhất một dân tộc thoát được nạn này là dân tộc Lạc Việt, tổ tiên chủ yếu của dân tộc Việt Nam sau này: không những không bị đồng hoá mà, kỳ diệu hơn, còn giành được độc lập, giữ được một phần đất phía Bắc và tiếp tục bành trướng về phía Nam để tạo thành một quốc gia riêng, biệt lập với Trung Quốc, điều đã khiến cho cuộc Nam tiến của người Hán xuống cực Nam của vùng Đông Nam Á bị khựng lại từ hơn một ngàn năm nay.

Tôi đã thử tìm hiểu vì sao lại có được cái phép lạ đó. Theo tôi suy nghĩ, đó là nhờ ở bốn nhân tố:

- **Ý thức quốc gia** của người Lạc Việt đã rất sớm nảy nở, đủ sức chống lại ý thức bá quyền Đại Hán ngay từ khởi đầu.
- **Tinh thần dân tộc** của người Lạc Việt đã vượt qua được giới hạn bộ tộc để đủ sức đương đầu với chủng tộc Đại Hán.
- **Truyền thống mẫu hệ** của người Lạc Việt đã vô hiệu hoá phương thức đồng hoá bằng hôn nhân của người Hán theo chế độ phụ hệ, giúp cho dân Việt Nam bảo tồn được giống nòi.
- Thể chế **lạc tướng - lạc hầu** được tồn lưu dưới hình thức cơ chế làng xã đã giúp dân Việt bảo vệ được nền tự chủ của mình.

Tôi cũng xin nói cho rõ hơn là cái nghĩa của từ “quốc gia” tôi bàn luận ở đây không cùng nghĩa với từ “quốc gia” bây giờ, và cũng không đồng nghĩa với chữ “quốc” trong “liệt quốc” thời Chiến quốc, mà có nghĩa “quốc gia Nam Việt” đối lập với “Trung Quốc” nhà Hán.

Theo tôi, chính Triệu Đà, để phục vụ tham vọng của mình, đã là người tạo cho dân Việt ý thức quốc gia và tinh thần dân tộc theo cái nghĩa đó. Trong lịch sử nhân loại có nhiều trường hợp như vậy: Alexandre Đại đế người Macédoine làm dạng danh nước Hi Lạp. Guillaume le Conquérant người Pháp lập ra nước Anh, trong quá khứ luôn luôn thù địch với Pháp. Napoléon người Corse đã đưa nước Pháp tới tột đỉnh vinh quang. Không kể những hung thần như Thành Cát Tư Hãn người Mông Cổ lập ra nhà Nguyên, Staline người Georgie, Hitler người Áo v.v...

### Ý thức quốc gia

Khi Tần Thủy Hoàng mất, Triệu Đà chỉ là một viên lệnh úy tầm thường gốc người nước Ngụy thuộc tộc Hoa, nhưng là người có chí khí, đã biết lợi dụng thời thế hợp quần một số tộc Việt để xưng đế lập ra nước Nam Việt cùng thời với Trung Quốc của Hán Cao Tổ. Theo các nhà sử học phương Tây, sở dĩ nước Tần thắng được các nước khác, không phải vì có Tần Thủy Hoàng mà vì nước Tần là nước có thể chế, có hành chính qui củ, có quân đội mạnh, vũ khí tân tiến hơn các nước khác thời bấy giờ. Từng là một viên tiểu lại của nhà Tần, Triệu Đà đã lấy kinh nghiệm nước Tần để gây dựng nước Nam Việt thành một quốc gia tân tiến ngang, nếu không nói là hơn Trung Quốc của nhà Hán thời sơ khai,

nhất là về quân sự (đánh chiếm Trường Sa). Có thể nói trên lục địa Trung Hoa và gần như cả Đông Nam Á thời đó, chỉ có hai quốc gia ngang sức đương đầu với nhau là Trung Quốc và Nam Việt. Cả hai đều có cơ cấu phòng theo nước Tần. Nhờ vậy người Bách Việt trong nước Nam Việt của Triệu Đà có ý thức quốc gia rất sớm và sau một ngàn năm bị đô hộ vẫn giữ được ý thức đó để tái lập lại nước Việt sau này. Người Hán cho đó là khi quân, một thế giới không thể có hai nước, một điều phạm đến "thiên mệnh" của Trung Quốc, nên dùng đủ mọi phương kế kể cả phương kế bỉ ổi nhất là mỹ nhân kế Cù thị để xoá bỏ cho bằng được nước Nam Việt. Khi tiêu diệt được nhà Triệu, nước Nam Việt bị đổi thành Giao Chỉ bộ và bị chia nhỏ thành 9 quận cho mất tang tích một quốc gia đã dám đương đầu với Trung Quốc. Tuy vậy người Trung Hoa cho tới ngày nay vẫn luôn luôn bị ám ảnh bởi một quốc gia đã dám chống đối mình ngay từ sơ khởi, nên không có gì lạ khi nhà Thanh vì mặc cảm đã bắt Gia Long phải đổi quốc hiệu mà ông dự kiến "Nam Việt" thành "Việt Nam". Trong thâm tâm, người Tàu vẫn coi Việt Nam là Giao Chỉ quận hay An Nam đô hộ phủ. Chứng cứ là khi người Pháp mới đặt chân xuống miền Nam, hỏi mấy chú Chệt tên nước này là gì, mấy chú vẫn nói tên là "Giao Chỉ". Tây nghe âm Tàu đọc trại là "Cochin". Lại sợ lẫm với tên đất Cochinchine bên Ấn Độ, nên đặt lại là "Cochinchine" để phân biệt (từ tố "-chine" có nghĩa là "Trung Quốc").

### Tinh thần dân tộc

Là một nhà chính trị khôn ngoan, Triệu Đà đưa ra chủ trương liên kết mọi tộc Việt trong nước Nam Việt với nhau (như trong câu "người trong một nước phải thương nhau cùng"), điều đã khiến cho mọi tộc Việt vượt qua được giới hạn bộ tộc của mình, đi đến một ý niệm cao hơn là ý niệm về **dân tộc Việt**. Tinh thần dân tộc lại càng thêm vững mạnh khi Triệu Đà đem lại cho dân tộc Việt vinh quang đầu tiên bằng chiến công đánh chiếm Trường Sa <sup>[1]</sup> của Trung Quốc. Hơn một ngàn năm sau Lý Thường Kiệt noi gương đem quân tràn qua Tàu đánh phá các châu Khâm, Liêm. Rồi lại gần 1000 năm sau nữa, sau trận Đống Đa làm nhà Thanh khiếp đảm, Thanh đế Càn Long sợ Quang Trung sang đánh và đòi đất, phải vội vàng hứa gả con gái cho và hứa trả lại Lưỡng Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây).

### Chế độ mẫu hệ và truyền thống lạc tướng - lạc hầu

Khi lập Văn vương <sup>[2]</sup>, cháu đích tôn con Mị Nương và Trọng Thủy, lên kế nghiệp mình, Triệu Đà có ý muốn nương theo chế độ **mẫu hệ** của người Lạc Việt để Việt hoá dòng giống mình, ngõ hầu triều đại nhà Triệu trở thành triều đại quy mô đầu tiên của dân Việt và sau này có thể dựa vào dân tộc Việt chống lại được sự bành trướng của Trung quốc. Trong lịch sử nhân loại, những dân tộc yếu muốn bảo vệ được sự sống còn của nòi giống mình trước những dân tộc mạnh hơn đều chỉ có cách là duy trì liên hệ gia đình theo mẫu hệ. Thí dụ điển hình nhất là dân tộc Do Thái, 2000 năm mất nước, phải di tản đến mọi nơi trên thế giới, trước đó đã bao lần bị lưu đày qua nhiều nước khác mà vẫn bảo tồn được dân tộc (cùng truyền thống văn hoá) của mình nhờ – không cần biết cha là thuộc dòng giống nào – tự coi mình là người Do Thái nếu mẹ là người Do Thái. Người Hán cũng biết vậy nên đã mưu tính đưa Cù thị vào làm vợ lẽ Anh Tề để con của Cù thị (có với tình nhân của thị là Thiệu Quý) là thái tử Hưng máu Tàu 100% sau này lên ngôi đem đất nước dâng lại cho nhà Hán. Quả nhiên là như vậy: khi Minh vương Anh Tề mất, Hưng lên ngôi (tức Ai vương) tính cùng mẹ đem nước dâng cho nhà Hán. Khi tể tướng Lữ Gia biết, giết mẹ con Cù thị và sứ giả nhà Hán, đưa Dương vương có mẹ người Việt lên thay thì đã quá muộn. Lại gặp tướng giỏi nhà Hán là Phục Ba tướng quân nên dân Việt đành chịu thua. Một ngàn năm sau, khi phản công lại Lý Thường Kiệt ở Khâm châu và Liêm châu, nhà Tống lại đem tích "Cù thị vị quốc hi sinh" như một Chiêu quân cố Hồ ra ca tụng nhằm cổ vũ quân sĩ. Đủ biết là sự hiện hữu của nước Nam Việt đối lập với Trung Quốc vẫn là một mối hận trong tâm thức người Tàu.

Cũng có lẽ nhờ giữ được truyền thống mẫu hệ trong phong tục nên đã có những cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và Bà Triệu. Noi gương Triệu Đà, nhiều quan lại, sĩ tử người Hán, được cử qua "Hán hoá" dân Giao Chỉ, đã lấy vợ Việt không chịu trở về Trung quốc và con cháu không những đều trở thành người Việt mà còn nổi lên chống lại người Hán như trường hợp Sĩ Nhiếp, hoặc trường hợp Vạn Xuân vương Lý Bôn... Ngoài ra, nhiều tầng thống gốc Việt hay mẹ Việt như Tăng Khương Hội còn trở về Trung Quốc thuyết giảng đạo Phật theo văn hoá và tư tưởng Việt. Có thể suy luận là trong 1000 năm bị đô hộ, số dĩ dân Việt Nam không bị đồng hoá là vì chính sách Hán hoá "lấy vợ Việt để đẻ con Hán" lại có hậu quả ngược lại, "gậy ông đập lưng ông", là các con cháu có "mẹ Việt" đều trở thành

người Việt, giữ gìn huyết thống Giao Chỉ và truyền thống văn hoá Việt, nhờ vậy đã không những không bị Hán hoá mà ngược lại, còn “Việt hoá” người Tàu qua đô hộ. Khả năng “Việt hoá” mạnh mẽ đó không những đã giúp dân Việt bảo vệ được nòi giống của mình trước người phương Bắc mà còn có thể, trong cuộc bành trướng về phương Nam, đồng hoá những dân tộc khác từng một thời hưng thịnh như Chiêm Thành, Chân Lạp, cũng như sau này đã “Việt hoá” những người Tàu Minh Hương để mở mang miền Nam.

Truyền thống **lạc tướng - lạc hầu** ẩn mình dưới những cơ chế làng xã cũng đã giúp cho dân Việt bảo tồn được nền tự chủ của mình trong suốt thời kỳ bị đô hộ, vì “phép vua thua lệ làng”: phép tắc của các quan thái thú Tàu cũng không thể vượt qua được lũy tre làng. Nhờ vậy mà “ý thức quốc gia” vẫn tiếp tục trường tồn tuy bị thu hẹp trong ý thức “làng nước”: làng chỉ là nước được thu nhỏ lại, và vị Thần Hoàng được thờ ở đình làng như những anh hùng dân tộc, những bậc thánh linh thiêng sẽ phù hộ cho người dân giữ làng giữ nước; còn làng là còn nước, bảo vệ làng là bảo vệ nước.

## Để kết luận

Trong lịch sử thế giới từ cổ chí kim, từ Đông qua Tây, không một dân tộc nào như dân tộc Việt Nam, sau một ngàn năm bị đô hộ bởi một nước lớn và mạnh như Trung Quốc, không những vẫn bảo tồn được nòi giống mà còn vẫn giữ được cơ cấu quốc gia, và lại tiếp tục duy trì nền tự chủ của mình trong suốt thời gian một ngàn năm nữa. Đó là nhờ ở những nhân tố mà tôi đã nêu ở trên, cũng như nhờ ở sự khôn khéo của ông cha ta đã biết lúc cương lúc nhu, lúc tiến lúc lùi, tuy giữ hình thức triều cống ba năm một lần nhưng vẫn luôn luôn cảnh giác, coi phương Bắc là giặc, là kẻ thù, *không bao giờ coi là bạn cả*.

Chú thích:

<sup>[1]</sup>Địa danh Trường Sa ở đây là thành phố cổ hiện đang là thủ phủ của tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Còn “Trường Sa” với tư cách là tên gọi quần đảo trên biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam, Trung Quốc gọi là “Nam Sa”. Đời Hán, thành Trường Sa là kinh đô của “Trường Sa quốc”, một trong số chư hầu của nhà Hán. Theo sử sách, vào khoảng sau năm 195 TrCN, Nam Việt vương Triệu Đà đã từng tấn công Trường Sa quốc, chiếm đất của nước này. Đây là hành động chủ yếu mang tính tự vệ, vì nhà Hán (sau khi Hán Cao tổ Lưu Bang đã chết, Lữ hậu thân tóm chính sự) khi đó bộc lộ tham vọng thôn tính Nam Việt, mà Trường Sa là ngã tiến quân thuận tiện nhất. (Các chú thích đều của *talawas*.)

<sup>[2]</sup>Để đọc giả tiện theo dõi đoạn trích dẫn sử liệu này của tác giả Phong Uyên, *talawas* xin tóm lược dòng chính lưu của cây phả hệ nhà Triệu (gồm cả thầy 5 đời vua) đã cai trị Nam Việt quốc, như sau: Triệu Vũ vương (tức Triệu Đà, trị vì từ 207 TrCN đến 137 TrCN), Triệu Văn vương (tức Hồ, cháu đích tôn của Vũ vương và cháu ngoại của An Dương vương Thục Phán nước Âu Lạc; 137 TrCN – 125 TrCN), Triệu Minh vương (tức Anh Tề, 125 TrCN – 113 TrCN), Triệu Ai vương (tức Hưng, 113 TrCN – 112 TrCN; thực ra Hưng là con của Cù thị [vợ lẽ Minh vương] với Thiệu Quý, tình nhân của Cù thị – cả Cù thị lẫn Quý đều là người Hán), và Triệu Dương vương (con của Minh vương với quý phi người Việt; 112 TrCN – 111 TrCN). Đến đây (năm 111 TrCN), nhà Triệu mất nước Nam Việt vào tay nhà Hán.